



Công ty Cổ phần FPT
(Trước đây là Công ty Cổ phần Phát triển
Đầu tư Công nghệ FPT)
và các công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008



Công ty Cổ phần FPT
Thông tin về Công ty

Giấy đăng ký kinh doanh số	8593 QDTC/VCN 0103001041	ngày 25 tháng 6 năm 1993 ngày 13 tháng 5 năm 2002
-----------------------------------	-----------------------------	--

Giấy đăng ký kinh doanh do Viện Nghiên cứu Công nghệ Quốc gia cấp. Giấy đăng ký kinh doanh sửa đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị	Trương Gia Bình Lê Quang Tiến Bùi Quang Ngọc Phan Ngô Tổng Hưng Hoàng Minh Châu Trương Thị Thanh Thanh Đỗ Cao Bảo Nguyễn Thành Nam Nguyễn Điệp Tùng Hoàng Nam Tiến Trương Đình Anh	Chủ tịch Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch (đến ngày 16 tháng 3 năm 2009) Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	--	--

Ban Giám đốc	Trương Gia Bình Lê Quang Tiến Bùi Quang Ngọc Hoàng Minh Châu Đỗ Cao Bảo	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 17 tháng 7 năm 2008)
---------------------	---	--

Trụ sở đăng ký	89 Láng Hạ, Quận Đống Đa Hà Nội Việt Nam
-----------------------	--

Trụ sở chính	Toà nhà FPT Cầu Giấy B2, Khu Công nghiệp Cầu Giấy Đường Phạm Hùng Quận Cầu Giấy
---------------------	--

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

BÁO CÁO VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính hợp nhất của từng năm tài chính. Các báo cáo này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận (“VAS”), trình bày trung thực và hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất của Công ty Cổ phần FPT (trước đây là Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”); kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Để lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán này;
- đưa ra các đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- khẳng định rằng các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ, ngoại trừ bất kỳ khác biệt trọng yếu nào được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc giả định Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh là không thích hợp.

Ban Giám đốc đồng thời chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ sách kế toán thích hợp được lập, trong đó trình bày, với sự chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của VAS. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo toàn tài sản của Tập đoàn và theo đó có trách nhiệm thực hiện các bước thích hợp để ngăn chặn và phát hiện gian lận và những hành vi trái quy định khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty Cổ phần FPT và các công ty con đã tuân thủ các yêu cầu trên khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc

Trương Gia Bình
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày **27 MAR 2009**



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần FPT (trước đây là Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT) và các công ty con

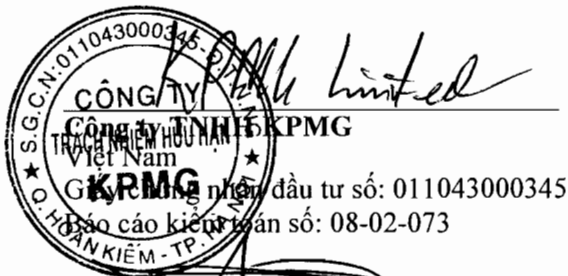
Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần FPT (trước đây là Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT) (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc Công ty, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần FPT (trước đây là Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.



John T. Ditty
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0555/KTV
Tổng Giám đốc

Trần Hằng Thu
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0877/KTV

Hà Nội, **27 MAR 2009**

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		4.658.263.302.412	4.342.621.864.908
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.242.502.927.497	895.514.803.431
Tiền	111		1.088.022.490.228	815.402.303.431
Các khoản tương đương tiền	112		154.480.437.269	80.112.500.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	1.994.169.987.920	1.827.732.899.796
Phải thu khách hàng	131		1.541.292.025.933	1.511.116.511.987
Trả trước cho người bán	132		271.888.719.628	160.983.722.210
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	5	92.724.478.378	61.417.792.020
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	5	107.083.598.814	101.009.776.663
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5	(18.818.834.833)	(6.794.903.084)
Hàng tồn kho	140	6	1.223.957.881.179	1.428.218.348.569
Hàng tồn kho	141		1.230.872.064.900	1.430.100.351.304
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.914.183.721)	(1.882.002.735)
Tài sản ngắn hạn khác	150		197.632.505.816	191.155.813.112
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		40.370.582.395	35.806.669.927
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		143.679.733.662	130.809.485.421
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.363.407.276	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		12.218.782.483	24.539.657.764
Tài sản dài hạn	200		1.466.570.854.462	1.013.430.480.154
Tài sản cố định	220		960.726.163.328	641.607.535.448
Tài sản cố định hữu hình	221	7	694.250.036.187	598.227.349.892
Nguyên giá	222		1.207.764.590.999	954.246.329.790
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(513.514.554.812)	(356.018.979.898)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	8	153.670.867	-
Nguyên giá	225		180.473.274	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(26.802.407)	-
Tài sản cố định vô hình	227	9	44.566.041.768	34.571.052.492
Nguyên giá	228		83.092.578.511	55.249.810.480
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(38.526.536.743)	(20.678.757.988)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	221.756.414.506	8.809.133.064
Đầu tư dài hạn	250	11	290.070.028.679	321.827.414.410
Đầu tư vào công ty liên kết	252		243.554.076.179	299.211.461.910
Các khoản đầu tư dài hạn khác	258		47.695.852.500	23.795.852.500
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1.179.900.000)	(1.179.900.000)
Tài sản dài hạn khác	260		215.774.662.455	49.995.530.296
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	153.151.586.037	41.168.799.336
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	23.365.346.963	-
Tài sản dài hạn khác	268		39.257.729.455	8.826.730.960
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.124.834.156.874	5.356.052.345.062

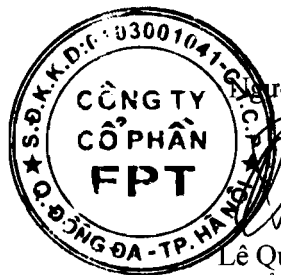
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Người lập:

[Signature]

Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng



~~Người duyệt:~~

27 MAR 2009

Lê Quang Tiến
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con

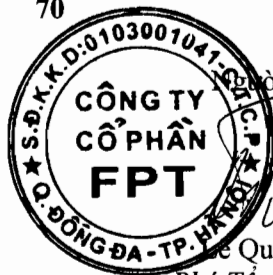
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Tổng doanh thu	01	22	16.429.737.389.964	13.518.396.514.258
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	(47.897.605.482)	(19.505.744.417)
Doanh thu thuần	10		16.381.839.784.482	13.498.890.769.841
Giá vốn hàng bán	11	23	(13.403.403.743.013)	(11.537.442.806.276)
Lợi nhuận gộp	20		2.978.436.041.469	1.961.447.963.565
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	197.472.172.458	48.935.986.199
Chi phí hoạt động tài chính	22	25	(495.236.445.170)	(72.344.115.885)
Chi phí bán hàng	24		(526.659.179.440)	(384.773.203.149)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(963.266.210.770)	(600.167.811.674)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.190.746.378.547	953.098.819.056
Kết quả của các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	26	191.150.989.872	100.711.660.272
Chi phí khác	32	27	(101.852.923.260)	(28.868.285.483)
Lỗ/(lãi) từ đầu tư vào công ty liên kết	45		(39.959.075.351)	4.043.113.890
Lợi nhuận trước thuế	50		1.240.085.369.808	1.028.985.307.735
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	51	28	(212.403.699.319)	(148.714.637.609)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	52	28	23.365.346.963	-
Lợi nhuận thuần sau thuế	60		1.051.047.017.452	880.270.670.126
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		214.776.420.820	142.801.214.063
Chủ sở hữu của Công ty	62		836.270.596.632	737.469.456.063
Lãi trên cổ phiếu		29		Đã được điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		5.959	5.317

Người lập:



Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng



Người duyệt:

27 MAR 2009

Nguyễn Quang Tiến
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

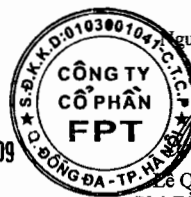
	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ dự trữ chênh lệch tỷ giá hối đoái chuyển đổi báo cáo tài chính VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ phúc lợi và khen thưởng VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Nguồn kinh phí sự nghiệp VNĐ	Cộng VNĐ	Lợi ích cổ đông thiểu số VNĐ	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	608.102.300.000	524.865.861.360	-	(10.455.488)	13.010.863.598	37.502.533.397	26.326.642.235	353.294.463.416	2.750.000.000	1.565.842.208.518	123.170.142.899	1.689.012.351.417
Phát hành cổ phiếu	315.423.490.000	-	-	-	-	-	-	(304.051.140.000)	-	11.372.350.000	25.908.754.622	37.281.104.622
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	737.469.456.063	-	737.469.456.063	142.801.214.063	880.270.670.126
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(176.000.000)	-	-	-	-	-	-	(176.000.000)	(428.100.000)	(604.100.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	26.755.000.784	66.365.985.180	(93.120.985.964)	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(276.776.142.400)	-	(276.776.142.400)	(3.720.007.034)	(280.496.149.434)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(12.548.749.817)	(3.918.022.275)	(52.160.132.617)	-	-	(68.626.904.709)	(7.227.594.513)	(75.854.499.222)
Mua lại lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	1.056.953.035	-	1.056.953.035	(6.056.953.035)	(5.000.000.000)
Lỗi từ tăng lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	231.488	(360.953.317)	(103.463.585)	(54.006.856)	(4.780.237.205)	-	(5.298.429.475)	5.298.429.475	-
Biến động khác	-	-	-	(1.014.108.674)	1.848.797	34.341.278	(3.301.380.235)	18.824.430.621	-	14.545.131.787	2.860.442.799	17.405.574.586
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	923.525.790.000	524.865.861.360	(176.000.000)	(1.024.332.674)	103.009.261	60.270.389.599	37.177.107.707	431.916.797.566	2.750.000.000	1.979.408.622.819	282.606.329.276	2.262.014.952.095
Phát hành cổ phiếu	18.080.370.000	-	-	-	-	-	-	-	-	18.080.370.000	96.604.410.000	114.684.780.000
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	470.014.580.000	(470.014.580.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	836.270.596.632	-	836.270.596.632	214.776.420.820	1.051.047.017.452
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.655.500.000)	-	-	-	-	-	-	(1.655.500.000)	(711.350.000)	(2.366.850.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	47.295.131.812	85.604.572.576	(132.899.704.388)	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(336.816.000.600)	-	(336.816.000.600)	(52.694.073.226)	(389.510.073.826)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	(65.708.304.037)	-	-	(65.708.304.037)	(14.433.718.445)	(80.142.022.482)
Mua lại lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.296.048.442)	(2.296.048.442)
Lỗi từ tăng lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	22.093.972	-	-	(59.734.944)	(462.530.065)	-	(500.171.037)	500.171.037	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	4.166.993.993	-	-	-	-	-	4.166.993.993	1.883.179.524	6.050.173.517
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	1.411.620.740.000	54.851.281.360	(1.831.500.000)	3.164.755.291	103.009.261	107.565.521.411	57.013.641.302	798.009.159.145	2.750.000.000	2.433.246.607.770	526.235.320.544	2.959.481.928.314

Người lập:



Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



27 MAR 2009

Nguyễn Quang Tiến
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.240.085.369.808	1.028.985.307.735
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		239.579.866.501	198.856.863.243
Các khoản dự phòng	03		12.782.651.645	10.452.830.284
Lỗ/(lãi) từ đầu tư vào công ty liên kết (thuần)			43.907.385.731	(2.911.461.910)
Xóa sổ tài sản cố định (thuần)			2.339.122.283	224.628.087
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	04		6.050.173.517	(1.013.877.186)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(19.479.365.612)	(3.020.858.578)
Lãi từ hoạt động đầu tư			(376.048.442)	-
Chi phí lãi vay	06		80.487.827.505	42.955.516.407
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.605.376.982.936	1.274.528.948.082
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(180.373.800.109)	(193.517.518.379)
Biến động hàng tồn kho	10		199.228.286.404	(875.431.474.762)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		160.805.132.763	804.844.584.666
Biến động chi phí trả trước	12		8.908.800.515	(18.543.705.569)
			1.793.945.402.509	991.880.834.038
Lãi vay đã trả	13		(96.013.911.456)	(42.796.905.355)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(215.724.602.526)	(106.309.996.772)
Thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		508.478.969	-
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(112.078.597.834)	(57.435.047.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.370.636.769.662	785.338.884.461
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các khoản trả trước dài hạn	21		(708.045.537.841)	(536.143.168.067)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và công trình xây dựng cơ bản dở dang	22		38.999.419.468	6.678.625.574
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(23.900.000.000)	(306.800.000.000)
Tiền thu cổ tức	27		11.750.000.000	-
Tiền chi mua lại phần vốn góp của các cổ đông thiểu số			(1.920.000.000)	(5.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(683.116.118.373)	(841.264.542.493)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ tăng vốn	31		18.080.370.000	11.372.350.000
Vốn góp của các cổ đông thiểu số vào các công ty con			96.604.410.000	25.908.754.622
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(2.366.850.000)	(604.100.000)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		6.138.972.666.600	6.181.524.164.314
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.202.511.262.423)	(5.655.716.255.385)
Tiền chi trả cổ tức	36		(389.311.861.400)	(280.496.149.434)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(340.532.527.223)	281.988.764.117
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		346.988.124.066	226.063.106.085
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		895.514.803.431	669.451.697.346
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	1.242.502.927.497	895.514.803.431

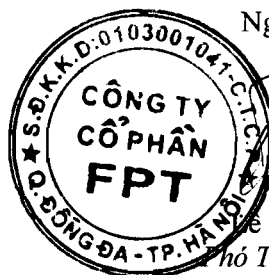
CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ CHỦ YẾU

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Cổ phần thưởng đã phát hành	470.014.580.000	304.051.140.000

Người lập:

[Handwritten signature]

Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng



Người duyệt:

11/12/11

Phó Tổng Giám đốc

27 MAR 2009

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT (“Công ty” hoặc “Công ty Cổ phần FPT”) được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 8593 QĐTC/VCN ngày 25 tháng 6 năm 1993 do Viện Nghiên cứu Công nghệ Quốc gia cấp, sau đó được sửa đổi bằng Giấy đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 13 tháng 5 năm 2002. Sau ngày 13 tháng 5 năm 2002 có thêm 18 lần sửa đổi đăng ký kinh doanh.

Công ty Cổ phần FPT ban đầu là một công ty nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-Ttg và chính thức trở thành một công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT và các công ty con sau này được gọi chung là “Tập đoàn”. Chi tiết về các công ty con của Tập đoàn được trình bày ở Thuyết minh số 12. Từ năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin và viễn thông như tích hợp hệ thống; sản xuất và dịch vụ phần mềm; các dịch vụ ERP; phân phối sản phẩm CNTT; phân phối điện thoại di động; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; lắp ráp máy tính; bảo hành và bảo trì thiết bị CNTT và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT. Cũng theo Giấy đăng ký kinh doanh điều chỉnh này, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT tăng từ 923.525.790.000 Đồng Việt Nam lên 1.411.620.740.000 Đồng Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Tập đoàn có 8.634 nhân viên (2007: 9.344 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), trừ Thuyết minh số 3 được trình bày bằng triệu VNĐ, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(ii) Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được. Quyền kiểm soát còn được thực hiện ngay cả khi Tập đoàn nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết tại công ty con trong các trường hợp sau đây:

- Các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Tập đoàn hơn 50% quyền biểu quyết; hoặc
- Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận; hoặc
- Tập đoàn có quyền bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương; hoặc
- Tập đoàn có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định về tài chính và hoạt động. Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong chi phí và thu nhập của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi các đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị được đầu tư.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Các báo cáo tài chính của các hoạt động tại nước ngoài

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của các hoạt động tại nước ngoài được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động tại nước ngoài được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi được ghi nhận vào khoản mục Quỹ dự trữ chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính, một mục riêng thuộc vốn chủ sở hữu.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(e) Đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi ban lãnh đạo cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 - 5 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 - 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 - 6 năm
▪ tài sản khác	2 - 3 năm

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền phát hành và bản quyền

Giá mua quyền phát hành và bản quyền mới được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Quyền phát hành và bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(ii) Nhãn hiệu hàng hóa

Giá mua nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được ghi nhận vào tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(iii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(iv) Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu

Giá mua giấy phép và nhượng quyền thương hiệu được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(k) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh nguyên giá của các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí sản xuất kinh doanh của hợp đồng đang thực hiện dở dang

Chi phí sản xuất kinh doanh của hợp đồng đang thực hiện dở dang được phản ánh theo giá gốc cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm lập bảng cân đối kế toán trừ đi dự phòng lỗ dự kiến. Giá gốc phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và các chi phí có thể phân bổ phù hợp với hợp đồng.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê.

(ii) Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn hợp đồng thuê.

(iii) Công cụ

Công cụ ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí trong vòng ba năm.

(iv) Chi phí tân trang văn phòng

Chi phí tân trang văn phòng bao gồm chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa và trang trí văn phòng. Các chi phí này được phân bổ trong vòng hai năm.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

(v) Chi phí trả trước cho Asia America Gateway (“AAG”)

Chi phí trả trước cho AAG liên quan đến dự án cáp Châu Mỹ - Châu Á, với mục đích là tăng cường năng lực internet trong khu vực Châu Á. Tập đoàn sẽ được giảm giá phí thuê đường truyền khi dự án hoàn thành.

(n) Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Tập đoàn phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(i) Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong năm 2007 và 2008. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập tương đương với 1% tổng quỹ lương được sử dụng làm cơ sở để tính Bảo hiểm Xã hội, theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003.

(iii) Dự phòng cho bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay

Dự phòng cho bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay là các bảo lãnh mà Trường đại học FPT đã cấp cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong liên quan đến các khoản cho vay mà Ngân hàng cấp cho các sinh viên của Trường đại học FPT, một công ty con của Tập đoàn FPT.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu từ các dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Các dịch vụ viễn thông

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

Các khoản thu được từ việc bán thẻ trả trước, nhưng thẻ đã bán chưa được sử dụng hoặc chưa hết hạn sử dụng, được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(v) Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

(vi) Doanh thu từ học phí và phí

Doanh thu được ghi nhận trong năm khi dịch vụ được cung cấp. Học phí và các khoản phí thu trước của sinh viên được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính có kỳ học liên quan.

Nộp phí và học phí

Toàn bộ phí và học phí được nộp trước khi bắt đầu mỗi kỳ học.

Phí tuyển sinh hoặc phí đăng ký dự thi

Phí đăng ký dự thi là khoản phí cố định nộp một lần được tính trên mỗi sinh viên và được thu cùng với đơn đăng ký tuyển sinh. Tiền thu từ phí đăng ký được sử dụng để trang trải cho các chi phí liên quan đến toàn bộ các thủ tục xử lý hồ sơ tuyển sinh của mỗi sinh viên bao gồm cả công tác quản lý đánh giá quá trình học tập tại trường trước và sắp xếp sinh viên cho phù hợp. Phí đăng ký dự thi không được hoàn lại.

(vii) Các giao dịch hàng đổi hàng

Doanh thu từ giao dịch đổi hàng hóa và dịch vụ lấy các hàng hóa và dịch vụ không cùng chủng loại được hạch toán theo giá trị hợp lý của hàng hóa và dịch vụ nhận về, được điều chỉnh theo giá trị tiền hoặc tương đương tiền đã nhận hoặc đã trả. Khi hàng hóa và dịch vụ được đổi lấy hàng hóa và dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi này được coi là không có tính thương mại và không được coi là giao dịch tạo doanh thu.

(r) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) Các quỹ

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được lập hàng năm bằng cách phân bổ lợi nhuận sau thuế. Từ năm 2006, theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Điều lệ Công ty sửa đổi, Công ty không tiếp tục trích lập Quỹ đầu tư và phát triển.

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc. Khi quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho các mục đích này, giá trị đã sử dụng được kết chuyển sang vốn.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(ii) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được lập hàng năm bằng cách phân bổ 5% lợi nhuận thuần sau thuế cho đến khi số dư quỹ tương đương với 10% vốn điều lệ.

(iii) Quỹ phúc lợi và khen thưởng

Quỹ phúc lợi và khen thưởng được lập hàng năm bằng cách phân bổ 10% lợi nhuận thuần sau thuế.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận báo cáo là một bộ phận hoạt động có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được những lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Báo cáo bộ phận theo vùng địa lý không được trình bày do phần lớn các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được thực hiện trong lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và không có bộ phận chia theo vùng địa lý nào có doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài, tài sản theo bộ phận hoặc chi tiêu vốn bằng hoặc lớn hơn 10% tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài, tài sản theo bộ phận hoặc chi tiêu vốn của Tập đoàn.

(w) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty.

(x) Tài sản thế chấp

Tập đoàn thế chấp tài sản của mình làm tài sản đảm bảo cho các hợp đồng được ký kết với ngân hàng. Các trường hợp hạn chế sử dụng được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(y) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

3. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Tích hợp hệ thống: cung cấp thiết bị CNTT, cung cấp dịch vụ phần mềm, dịch vụ ERP, dịch vụ mạng và dịch vụ bảo trì cho khách hàng trong các lĩnh vực ngân hàng và tài chính, viễn thông, y tế, lợi ích công cộng và Chính phủ;
- Xuất khẩu phần mềm: cung cấp dịch vụ phát triển phần mềm và dịch vụ bảo trì, gia công phần mềm, thử nghiệm đảm bảo chất lượng và gia công quy trình doanh nghiệp;
- Viễn thông: cung cấp dịch vụ internet không dây và có dây, dịch vụ trực tuyến cho doanh nghiệp và khách hàng cá nhân, dịch vụ Cổng dữ liệu Web, IPTV, trò chơi trực tuyến, nhạc trực tuyến và tin tức trực tuyến;
- Đào tạo: quản lý một trường đại học tư nhân đào tạo kỹ sư phần mềm;
- Phân phối: Phân phối các sản phẩm CNTT bao gồm sản phẩm phần cứng, sản phẩm phần mềm và điện thoại di động;
- Bán lẻ: chuỗi các cửa hàng/phòng trưng bày sản phẩm CNTT bao gồm sản phẩm phần cứng, sản phẩm phần mềm và điện thoại di động tập trung vào các khách hàng là người tiêu dùng;
- Truyền thông: sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo cho các chương trình nghe nhìn; xây dựng nội dung các chương trình truyền thông đại chúng và tổ chức các sự kiện viễn thông và giải trí; và
- Dịch vụ bảo trì: cung cấp dịch vụ bảo trì cho các thiết bị CNTT và thiết bị mạng.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(triệu VNĐ)											
2008	Tích hợp hệ thống	Xuất khẩu phần mềm	Viễn thông	Đào tạo	Phân phối	Bán lẻ	Truyền thông	Dịch vụ bảo trì	Khác (ct1)	Loại trừ	Tổng cộng
Tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài	2.714.098	706.655	1.286.656	134.528	11.066.334	223.463	166.505	27.623	55.978		16.381.840
Tổng doanh thu từ các giao dịch giữa các bộ phận	374.904	7.667	12.528	4.538	509.030	8.360	3.568	24.515	11.280.384	(12.225.494)	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	3.089.002	714.322	1.299.184	139.066	11.575.364	231.823	170.073	52.138	11.336.362	(12.225.494)	16.381.840
Chi phí theo bộ phận											
Chi phí phân bổ trực tiếp	(2.736.435)	(480.502)	(848.539)	(95.369)	(11.022.885)	(249.257)	(145.364)	(32.314)	(11.311.567)	12.225.494	(14.696.738)
Kết quả hoạt động theo bộ phận	352.567	233.820	450.645	43.697	552.479	(17.434)	24.709	19.824	24.795		1.685.102
Khấu hao và phân bổ	(13.986)	(17.984)	(116.632)	(3.840)	(8.373)	(4.335)	(4.336)	(1.085)	(29.242)	3.222	(196.591)
Thu nhập/(chi phí) tài chính	(47.171)	7.341	24.688	3.354	(136.747)	(1.297)	1.268	3.153	(152.353)		(297.764)
Thu nhập/(chi phí) khác	29.270	926	(1.812)	432	31.105	5.411	(600)	35	24.531		89.298
Lãi/(lỗ) từ đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	(39.959)		(39.959)
Lợi nhuận trước thuế	320.680	224.103	356.889	43.643	438.464	(17.655)	21.041	21.927	(172.228)	3.222	1.240.086
Tài sản											
Tài sản ngắn hạn	1.223.126	346.093	537.939	82.784	1.353.985	50.446	88.565	29.491	2.584.911	(1.639.077)	4.658.263
Tài sản cố định hữu hình	38.447	144.395	419.050	10.145	11.875	7.393	13.212	1.260	136.804	(88.331)	694.250
Tài sản cố định vô hình	9.800	2.216	11.579	126	368	130	4.239	222	15.886		44.566
Tài sản dài hạn khác	3.858	44.356	113.976	5.246	30.993	6.103	1.413	281	521.529		727.755
Tổng tài sản	1.275.231	537.060	1.082.544	98.301	1.397.221	64.072	107.429	31.254	3.259.130	(1.727.408)	6.124.834
Nợ phải trả											
Nợ ngắn hạn	1.020.200	122.374	380.578	39.479	1.204.308	24.060	57.417	16.253	1.934.831	(1.639.077)	3.160.423
Nợ dài hạn	91	532	205	1.125	2.913	13	12	1	37		4.929
Tổng nợ phải trả	1.020.291	122.906	380.783	40.604	1.207.221	24.073	57.429	16.254	1.934.868	(1.639.077)	3.165.352
Chi tiêu vốn	43.495	36.589	240.182	6.794	4.681	1.962	20.378	903	223.827	(39.363)	539.448

(ct1) Không bao gồm các giao dịch mà Công ty Cổ phần FPT thực hiện đại diện cho các công ty con.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(triệu VNĐ)

2007	Tích hợp hệ thống	Xuất khẩu phần mềm	Viễn thông	Đào tạo	Phân phối	Bán lẻ	Truyền thông	Dịch vụ bảo trì	Khác (ct1)	Loại trừ	Tổng cộng
Tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài	1.813.615	476.064	841.694	64.960	10.153.887	58.599	83.415	5.006	1.651	-	13.498.891
Tổng doanh thu từ các giao dịch giữa các bộ phận	150.303	3.010	99.029	5.514	2.903.893	14.058	18.334	14.609	3.162	(3.211.912)	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	1.963.918	479.074	940.723	70.474	13.057.780	72.657	101.749	19.615	4.813	(3.211.912)	13.498.891
Chi phí theo bộ phận											
Chi phí phân bổ trực tiếp	(1.765.883)	(301.182)	(614.474)	(47.888)	(12.605.242)	(87.204)	(85.184)	(14.811)	(41.495)	3.211.912	(12.351.451)
Kết quả hoạt động theo bộ phận	198.035	177.892	326.249	22.586	452.538	(14.547)	16.565	4.804	(36.682)		1.147.440
Khấu hao và phân bổ	(10.862)	(10.281)	(98.720)	(2.342)	(1.706)	(856)	(360)	(348)	(45.458)		(170.933)
Thu nhập/(chi phí) tài chính	(20.694)	4.845	2.584	(67)	(31.287)	(417)	90	168	21.370		(23.408)
Thu nhập/(chi phí) khác	14.269	292	(2.453)	331	54.818	5.266	(1.236)	1	555		71.843
Lãi từ đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	4.043		4.043
Lợi nhuận trước thuế	180.748	172.748	227.660	20.508	474.363	(10.554)	15.059	4.625	(56.172)		1.028.985
Tài sản											
Tài sản ngắn hạn	938.532	207.513	397.137	24.671	1.713.131	63.825	64.275	29.087	2.236.102	(1.331.651)	4.342.622
Tài sản cố định hữu hình	20.671	143.327	263.498	6.857	17.316	12.972	1.356	1.673	130.557		598.227
Tài sản cố định vô hình	137	2.082	10.161	246	213	170	38	120	21.404		34.571
Tổng tài sản	959.340	352.922	670.796	31.774	1.730.660	76.967	65.669	30.880	2.388.063	(1.331.651)	4.975.420
Nợ phải trả											
Nợ ngắn hạn	708.466	103.138	347.298	6.344	1.543.239	43.047	21.374	15.922	2.164.018	(1.925.354)	3.027.492
Nợ dài hạn	15	220	172	-	11.082	24	3	5	55.025		66.546
Tổng nợ phải trả	708.481	103.358	347.470	6.344	1.554.321	43.071	21.377	15.927	2.219.043	(1.925.354)	3.094.038
Chi tiêu vốn	13.440	13.841	186.057	1.885	7.862	12.279	922	821	38.137		275.244

(ct1) Không bao gồm các giao dịch mà Công ty Cổ phần FPT thực hiện đại diện cho các công ty con.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Tiền mặt	27.574.193.854	16.587.292.693
Tiền gửi ngân hàng	1.060.448.296.374	791.815.010.738
Tiền đang chuyển	-	7.000.000.000
Các khoản tương đương tiền	154.480.437.269	80.112.500.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.242.502.927.497	895.514.803.431
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	1.242.502.927.497	895.514.803.431

Tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm số tiền bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ có giá trị là 295.262 triệu VNĐ (2007: 123.130 triệu VNĐ).

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan bao gồm:

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Phi thương mại	1.878.978.247	-

Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và thu theo nhu cầu.

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng và các khoản tạm ứng của khách hàng gồm:

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Chi phí của hợp đồng xây dựng dở dang	244.412.281.454	99.647.772.891
Lợi nhuận tính dựa trên tỷ lệ phần trăm hoàn thành	156.376.057.076	21.892.869.628
	400.788.338.530	121.540.642.519
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(308.063.860.152)	(60.122.850.499)
	92.724.478.378	61.417.792.020

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Phải thu từ trợ giá cho hàng bán	45.543.701.874	70.023.464.866
Các khoản phải thu khác	61.539.896.940	30.986.311.797
	107.083.598.814	101.009.776.663

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Số dư đầu năm	6.794.903.084	18.470.000
Tăng dự phòng trong năm	17.931.186.689	6.776.433.084
Sử dụng dự phòng trong năm	(2.437.092.052)	-
Hoàn nhập	(3.470.162.888)	-
Dự phòng nợ khó đòi – ngắn hạn	18.818.834.833	6.794.903.084

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 30 triệu Đô la Mỹ (2007: bằng không) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

6. Hàng tồn kho

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	130.128.327.446	330.411.724.972
Nguyên vật liệu	158.881.462	207.316.466
Công cụ và dụng cụ	36.375.083.857	1.410.950.474
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	294.453.757.164	144.247.883.874
Thành phẩm	4.734.522.555	4.954.895.274
Hàng hóa	765.021.492.416	948.867.580.244
	1.230.872.064.900	1.430.100.351.304
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.914.183.721)	(1.882.002.735)
	1.223.957.881.179	1.428.218.348.569

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Số dư đầu năm	1.882.002.735	-
Tăng dự phòng trong năm	6.575.545.582	1.882.002.735
Sử dụng dự phòng trong năm	(12.119.705)	-
Hoàn nhập	(1.531.244.891)	-
Số dư cuối năm	6.914.183.721	1.882.002.735

Bao gồm trong hàng hóa tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có hàng tồn kho trị giá 53.712 triệu VNĐ được ghi sổ theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Dụng cụ văn phòng VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	169.810.086.873	445.265.175.783	318.479.484.097	16.271.565.218	4.420.017.819	954.246.329.790
Tăng trong năm	3.842.986.784	155.587.192.902	111.163.851.345	6.701.537.721	960.512.726	278.256.081.478
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	281.688.522	265.810.189	15.635.679.215	-	-	16.183.177.926
Thanh lý	(12.830.363.682)	(17.401.179.093)	(1.283.917.333)	(1.469.554.082)	(239.133.799)	(33.224.147.989)
Phân loại lại	-	(267.924.687.299)	271.675.191.342	(3.493.384.603)	(257.119.440)	-
Biến động khác	(240.364.615)	(7.251.224.917)	(388.164.552)	(14.839.545)	197.743.423	(7.696.850.206)
Số dư cuối năm	160.864.033.882	308.541.087.565	715.282.124.114	17.995.324.709	5.082.020.729	1.207.764.590.999
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.065.383.386	204.850.161.148	135.259.023.328	8.721.005.040	1.123.406.996	356.018.979.898
Khấu hao trong năm	10.468.416.641	112.219.679.138	51.310.714.989	3.073.477.397	1.376.070.803	178.448.358.968
Thanh lý	(1.686.476.875)	(11.053.779.383)	(299.802.033)	(590.058.792)	(134.295.734)	(13.764.412.817)
Phân loại lại	-	(122.809.148.270)	123.314.680.953	(400.062.402)	(105.470.281)	-
Biến động khác	(135.930.944)	(7.080.732.050)	(105.119.725)	(818.695)	134.230.177	(7.188.371.237)
Số dư cuối năm	14.711.392.208	176.126.180.583	309.479.497.512	10.803.542.548	2.393.941.961	513.514.554.812
Giá trị còn lại						
Số dư cuối năm	146.152.641.674	132.414.906.982	405.802.626.602	7.191.782.161	2.688.078.768	694.250.036.187
Số dư đầu năm	163.744.703.487	240.415.014.635	183.220.460.769	7.550.560.178	3.296.610.823	598.227.349.892

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có số tài sản với nguyên giá là 209.520 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 (2007: 66.870 triệu VNĐ), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Dụng cụ văn phòng VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	180.473.274
Số dư cuối năm	180.473.274
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	26.802.407
Số dư cuối năm	26.802.407
Giá trị còn lại	
Số dư cuối năm	153.670.867
Số dư đầu năm	-

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền phát hành và bản quyền VNĐ	Nhãn hiệu hàng hóa VNĐ	Phần mềm vi tính VNĐ	Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	13.804.172.308	175.351.445	36.629.708.304	4.640.578.423	55.249.810.480
Tăng trong năm	672.644.886	-	16.279.719.733	12.769.618.454	29.721.983.073
Thanh lý	-	-	(195.582.240)	-	(195.582.240)
Chuyển cho các bên liên quan	-	-	(3.189.476.650)	-	(3.189.476.650)
Các biến động khác	372.274.872	-	1.133.568.976	-	1.505.843.848
Số dư cuối năm	14.849.092.066	175.351.445	50.657.938.123	17.410.196.877	83.092.578.511
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.260.566.196	4.870.873	11.198.478.400	4.214.842.519	20.678.757.988
Khấu hao trong năm	263.273.462	58.450.481	10.726.622.845	7.094.439.657	18.142.786.445
Thanh lý	-	-	(135.263.556)	-	(135.263.556)
Chuyển cho công ty liên quan	-	-	(160.011.125)	-	(160.011.125)
Các biến động khác	159.608.984	-	(159.341.993)	-	266.991
Số dư cuối năm	5.683.448.642	63.321.354	21.470.484.571	11.309.282.176	38.526.536.743
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	9.165.643.424	112.030.091	29.187.453.552	6.100.914.701	44.566.041.768
Số dư đầu năm	8.543.606.112	170.480.572	25.431.229.904	425.735.904	34.571.052.492

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Số dư đầu năm	8.809.133.064	36.692.860.276
Tăng trong năm	226.403.634.827	153.707.148.244
Chuyển từ khoản trả trước dài hạn	5.065.946.824	-
Xóa sổ	(2.339.122.283)	-
Kết chuyển sang tài sản cố định	(16.183.177.926)	(181.590.875.456)
Số dư cuối năm	221.756.414.506	8.809.133.064

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)****11. Các khoản đầu tư**

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu:		
▪ các công ty liên kết	243.554.076.179	299.211.461.910
▪ các đơn vị khác	47.695.852.500	23.795.852.500
	291.249.928.679	323.007.314.410
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.179.900.000)	(1.179.900.000)
	290.070.028.679	321.827.414.410
Đầu tư vào các công ty liên kết:		
	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Số dư đầu năm	299.211.461.910	-
Tăng trong năm	-	296.300.000.000
Phân (lỗ)/lãi từ đầu tư vào công ty liên kết	(43.907.385.731)	2.911.461.910
Cổ tức nhận được	(11.750.000.000)	-
Số dư cuối năm	243.554.076.179	299.211.461.910

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, các khoản đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào các công ty liên kết bao gồm một khoản đầu tư vào cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 110.000 triệu VNĐ (2007: bằng không) được ký quỹ với ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

12. Các công ty trong Tập đoàn

Dưới đây là danh sách các công ty con và công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12:

Tên công ty	Địa chỉ	Hợp nhất	2008		2007	
			% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Các công ty con						
Công ty TNHH Công nghệ Di động FPT	5 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội	Có	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Có	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	Tầng 6-11 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	Có	68,89%	68,89%	70,41%	70,41%
Công ty TNHH Phân phối FPT	Tầng 3, Tòa nhà Viglacera, 1 Láng Hòa Lạc, Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	Có	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	48 Vạn Bảo, Ba Đình, Hà Nội	Có, xem ct1	43,50%	43,50%	44,19%	44,19%
Đại học FPT	Tòa nhà Detech, 15B Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	Có	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Bán lẻ FPT	5 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội	Có	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Quảng cáo FPT	79 Bis, Điện Biên Phủ, Đa Kao , Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	60%	60%	60%	60%
Công ty TNHH Bất động sản FPT	Tầng 14, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	Có	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Truyền thông giải trí FPT	Tầng 5, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	Có	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ tin học FPT	1A Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Có	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Phát triển Khu CNC Hòa Lạc FPT	Tầng 5, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	Có	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT	131 Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Có, xem ct2	35,60%	52,38%	34,61%	51,20%

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Hợp nhất	2008		2007	
			% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Các công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	Không	25%	25%	25%	25%
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	Tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	Không	33%	33%	33%	33%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	Tầng 1-2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	Không, xem ct3	15%	15%	15%	15%

(ct1) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 43,50% phần vốn (2007: 44,19%) và kiểm soát 43,50% quyền biểu quyết (2007: 44,19%) ở Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Ban lãnh đạo Công ty đã xem xét các quy định của *Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 Báo cáo Tài chính Hợp nhất và Kế toán các Khoản đầu tư vào Công ty con* và thực hiện hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông vào các báo cáo tài chính hợp nhất này. Yếu tố quan trọng trong quyết định này là Tập đoàn có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Theo điều lệ của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, các thành viên của Hội đồng Quản trị được bổ nhiệm tại Đại hội Cổ đông Thường niên của công ty với nhiệm kỳ năm năm. Lần bổ nhiệm gần đây nhất được thực hiện tại Đại hội Cổ đông Thường niên năm 2008 của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT tổ chức vào ngày 15 tháng 3 năm 2008.

(ct2) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 35,60% phần vốn (2007: 34,61%) ở Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT, trong đó lợi ích trực tiếp là 23,62% và lợi ích gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Viễn thông FPT là 11,98%, Công ty Cổ phần Viễn thông FPT cũng sở hữu 27,55% ở Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT. Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Viễn thông FPT đã xem xét các quy định của *Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 Báo cáo Tài chính Hợp nhất và Kế toán các Khoản đầu tư vào Công ty con* và thực hiện hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Viễn thông trên cơ sở là Công ty Cổ phần Viễn thông FPT kiểm soát hơn 50% quyền biểu quyết thông qua các thỏa thuận của họ với Công ty Cổ phần FPT và một nhà đầu tư cá nhân khác của Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT.

(ct3) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 15% quyền biểu quyết (2007: 15%) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Ban lãnh đạo Công ty đã xem xét các quy định của *Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 7 Kế toán các Khoản đầu tư vào Công ty liên kết* và hạch toán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong trong các báo cáo tài chính hợp nhất này theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong thông qua đại diện có vai trò chủ chốt của Tập đoàn trong Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Theo Điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong, các thành viên của Hội đồng Quản trị được bổ nhiệm hoặc tại Đại hội Thường niên của Ngân hàng hoặc thông qua việc thu thập ý kiến bằng văn bản đồng thời việc bổ nhiệm này phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt. Lần bổ nhiệm gần đây nhất được thực hiện tại Đại hội Cổ đông đầu tiên được tổ chức vào ngày 18 tháng 12 năm 2007.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VNĐ	Chi phí thuê văn phòng VNĐ	Công cụ VNĐ	Chi phí tân trang văn phòng VNĐ	Chi phí trả trước cho AAG VNĐ	Các chi phí khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu năm	3.438.036.602	12.722.907.392	2.734.153.850	3.469.033.488	-	18.804.668.004	41.168.799.336
Tăng trong năm	8.673.947.030	13.177.888.277	11.912.094.100	12.799.400.418	110.504.851.172	16.415.184.192	173.483.365.189
Xóa sổ	-	-	(38.480.269)	(472.785.852)	-	(8.041.011.188)	(8.552.277.309)
Kết chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(5.065.946.824)	-	-	-	-	-	(5.065.946.824)
Phân bổ trong năm	(9.487.147.593)	(6.103.089.142)	(4.581.387.080)	(7.973.548.738)	-	(14.816.746.128)	(42.961.918.681)
Phân loại lại	12.186.990.884	(8.327.218.787)	485.221.847	152.331.210	-	(4.497.325.154)	-
Phân loại lại sang tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	-	(4.920.435.674)	(4.920.435.674)
Số dư cuối năm	9.745.880.099	11.470.487.740	10.511.602.448	7.974.430.526	110.504.851.172	2.944.334.052	153.151.586.037

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản cố định	11.999.803.420	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa được ghi nhận	1.930.187.320	-
Các khoản dự phòng	9.435.356.223	-
Tổng tài sản thuế hoãn lại	23.365.346.963	-

15. Vay ngắn hạn

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Vay ngắn hạn		
▪ từ các ngân hàng	1.222.188.733.624	1.209.111.869.126
▪ từ các cá nhân	14.623.085.583	40.234.360.697
	1.236.811.819.207	1.249.346.229.823

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, trong số các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng có 39.205 triệu VNĐ (2007: bằng không) phải trả cho một công ty liên quan và được đảm bảo bằng khoản đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào công ty liên kết có giá trị 110.000 triệu VNĐ (2007: bằng không). Trong số các khoản vay ngắn hạn còn lại có 94.107 triệu VNĐ (2007: bằng không) được đảm bảo bằng các khoản phải thu trị giá 30 triệu USD. Các khoản vay ngắn hạn còn lại không có đảm bảo. Các khoản vay ngắn hạn chịu lãi suất hàng năm trong khoảng từ 3.9% đến 12% một năm.

Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân không được đảm bảo và chịu lãi suất hàng năm trong khoảng từ 5.7% và 8.4% tương ứng cho các khoản vay bằng Đô la Mỹ và tiền Đồng Việt Nam.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Thuế		
Thuế giá trị gia tăng	72.830.923.357	109.788.360.452
Thuế xuất, nhập khẩu	22.600.137.519	53.063.023.053
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.130.331.694	68.243.484.999
Thuế thu nhập cá nhân	30.067.465.785	10.470.690.287
Thuế nhà thầu	894.090.476	-
Các loại thuế khác	533.215.542	1.351.581.876
	189.056.164.373	242.917.140.667

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)****17. Chi phí phải trả**

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Chi phí phải trả cho phần công việc hoàn thành bởi các thầu phụ	66.051.763.863	33.216.378.771
Lương kinh doanh phải trả	20.551.318.000	-
Các chi phí khác	36.378.666.360	45.160.280.196
	122.981.748.223	78.376.658.967

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Các khoản phải trả, phải nộp khác gồm:

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Phí công đoàn	10.136.659.879	9.574.274.044
Bảo hiểm xã hội	5.959.367.950	1.218.488.976
Bảo hiểm y tế	1.454.057.711	547.796.498
Nhận ký quỹ ngắn hạn và tài sản đảm bảo	24.365.404.720	7.711.210.000
Cổ tức	2.235.069.268	2.036.856.842
Nhận ủy thác liên quan đến các giao dịch nhập khẩu ủy thác	-	8.201.071.818
Doanh thu chưa thực hiện	98.258.973.235	11.103.356.023
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.581.147.184	12.206.667.259
	155.990.679.947	52.599.721.460

19. Các khoản dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Bảo hành VNĐ	Trợ cấp thời việc VNĐ	Bảo lãnh các khoản cho sinh viên vay VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu năm	22.833.740.513	614.494.465	445.879.920	23.894.114.898
Dự phòng lập trong năm	53.716.071.872	1.145.606.826	668.520.586	55.530.199.284
Dự phòng sử dụng trong năm	(49.297.061.948)	(972.141.979)	-	(50.269.203.927)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(9.519.059.717)	(15.396.730)	-	(9.534.456.447)
Số dư cuối năm	17.733.690.720	772.562.582	1.114.400.506	19.620.653.808

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)**

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Ngắn hạn	17.733.690.720	22.833.740.513
Dài hạn	1.886.963.088	1.060.374.385
	19.620.653.808	23.894.114.898

(i) Dự phòng bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 và 2007. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) Trợ cấp thôi việc

Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập bằng 1% tổng quỹ lương.

(iii) Bảo lãnh các khoản cho sinh viên vay

Dự phòng cho bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay được lập bằng 15% số dư các khoản cho vay do BIDV chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cấp cho các sinh viên được chọn của Đại học FPT, một công ty con của Tập đoàn FPT, được bảo lãnh bởi Đại học FPT.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)****20. Vốn góp**

	2008		2007	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	141.162.074	1.411.620.740.000	92.352.579	923.525.790.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	139.787.819	1.397.878.190.000	91.899.459	918.994.590.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	1.374.255	13.742.550.000	453.120	4.531.200.000
	141.162.074	1.411.620.740.000	92.352.579	923.525.790.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	(183.150)	(1.831.500.000)	(17.600)	(176.000.000)
	(183.150)	(1.831.500.000)	(17.600)	(176.000.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	139.787.819	1.397.878.190.000	91.899.459	918.994.590.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	1.191.105	11.911.050.000	435.520	4.355.200.000
	140.978.924	1.409.789.240.000	92.334.979	923.349.790.000

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố. Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn. Đối với cổ phiếu mà Tập đoàn mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được tái phát hành.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000VNĐ. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong vòng ba năm kể từ ngày phát hành.

Biến động về vốn cổ phần trong năm như sau:

	2008		2007	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	92.334.979	923.349.790.000	60.810.230	608.102.300.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	48.809.495	488.094.950.000	31.542.349	315.423.490.000
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	(165.550)	(1.655.500.000)	(17.600)	(176.000.000)
Số dư cuối năm	140.978.924	1.409.789.240.000	92.334.979	923.349.790.000

21. Quỹ dự trữ chênh lệch tỷ giá hối đoái chuyển đổi báo cáo tài chính

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Số dư đầu năm	(1.024.332.674)	(10.455.488)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính	4.189.087.965	(1.013.877.186)
Số dư cuối năm	3.164.755.291	(1.024.332.674)

22. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần gồm:

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	13.570.434.743.802	11.689.943.308.518
▪ Cung cấp dịch vụ	2.859.302.646.162	1.828.453.205.740
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(27.203.032.890)	-
▪ Giảm giá hàng bán	-	(57.053.636)
▪ Hàng bán bị trả lại	(20.694.572.592)	(19.448.690.781)
Doanh thu thuần	16.381.839.784.482	13.498.890.769.841

Tổng doanh thu trên thể hiện doanh số của Tập đoàn với các bên thứ ba. Để phục vụ cho mục đích quản lý, Tập đoàn sử dụng chỉ tiêu doanh số kinh doanh bao gồm doanh số bán cho các bên thứ ba và doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn với mục đích kinh doanh (xem Thuyết minh 12). Doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết doanh thu kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở bảng sau:

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Doanh số bán cho các bên thứ ba	16.381.839.784.482	13.498.890.769.841
Doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn	424.328.396.327	394.996.328.799
Tổng doanh thu kinh doanh	16.806.168.180.809	13.893.887.098.640

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

23. Giá vốn hàng bán

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng hóa mua về đã bán	12.109.135.023.505	10.708.636.082.172
▪ Dịch vụ đã cung ứng	1.294.377.030.458	828.420.413.169
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(108.310.950)	386.310.935
	13.403.403.743.013	11.537.442.806.276

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	77.233.815.806	15.938.807.911
Lãi chênh lệch tỷ giá	119.721.678.081	32.314.983.237
Doanh thu khác từ hoạt động tài chính	516.678.571	682.195.051
	197.472.172.458	48.935.986.199

25. Chi phí hoạt động tài chính

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Chi phí lãi vay	80.487.827.505	42.955.516.407
Lỗ chênh lệch tỷ giá	402.817.404.988	28.944.746.955
Chi phí hoạt động tài chính khác	11.931.212.677	443.852.523
	495.236.445.170	72.344.115.885

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)****26. Thu nhập khác**

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Tiền thưởng và các khoản ưu đãi khác	26.519.499.361	32.534.151.641
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	38.999.419.468	6.678.625.574
Hoàn nhập phí bảo hành ghi nhận thừa trong năm trước	14.501.274	4.079.537.024
Thu nhập cho thuê	-	3.110.722.223
Hỗ trợ khuyến mại từ nhà cung cấp (a)	96.051.976.327	-
Các thu nhập khác	29.565.593.442	54.308.623.810
	191.150.989.872	100.711.660.272

27. Chi phí khác

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	19.520.053.856	3.657.766.996
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	2.121.274.206	1.596.213.587
Tiền thưởng và các khoản ưu đãi khác	-	4.859.332.673
Chi phí tiếp thị từ nhà cung cấp (Thuyết minh 26(a))	65.194.204.536	-
Các chi phí khác	15.017.390.662	18.754.972.227
	101.852.923.260	28.868.285.483

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)****28. Thuế thu nhập****(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	208.455.388.939	147.582.985.629
Phần thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty liên kết	3.948.310.380	1.131.651.980
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("Thuế TNDN")	212.403.699.319	148.714.637.609
Thuế thu nhập hoãn lại		
Ảnh hưởng của các khoản mục chênh lệch tạm thời	(23.365.346.963)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	189.038.352.356	148.714.637.609

Quyết toán thuế mới nhất của Tập đoàn được thực hiện bởi Cục Thuế Hà Nội cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006. Việc tính thuế TNDN cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 và 2008 cần được cơ quan thuế sở tại xem xét và chấp thuận.

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	1.240.085.369.808	1.028.985.307.735
Thuế theo thuế suất thuế TNDN quy định trong Giấy phép Đăng ký Kinh doanh và các quy định thuế hiện hành	354.843.058.205	288.115.886.166
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	(57.039.014.365)	-
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các cơ sở kinh doanh ở nước ngoài	200.710.135	-
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	1.003.939.038	-
Ảnh hưởng của thu nhập không chịu thuế và ưu đãi thuế	(112.752.972.427)	(139.401.248.557)
Ảnh hưởng của lỗ thuế được sử dụng để đối trừ vào lãi tính thuế	(211.621.405)	-
Các ảnh hưởng khác	2.994.253.175	-
	189.038.352.356	148.714.637.609

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy phép đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất bằng 10% lợi nhuận chịu thuế đối với sản xuất và dịch vụ phần mềm và 28% lợi nhuận chịu thuế đối với hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp và 10% lợi nhuận chịu thuế đối với dịch vụ đào tạo CNTT đã cung cấp. Tập đoàn được giảm 50% thuế TNDN trong hai năm kể từ thời điểm Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 12 năm 2006. Lĩnh vực đào tạo CNTT của Tập đoàn được miễn thuế TNDN 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Thuế suất áp dụng cho các công ty con của Công ty Cổ phần FPT được quy định trong các Giấy đăng ký kinh doanh tương ứng của từng công ty con và các quy định thuế hiện hành.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

29. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông là 836.270.596.632 VNĐ (2007: 737.469.456.063 VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 140.328.357 (2007: 138.687.276), được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Lợi nhuận thuần trong năm	836.270.596.632	737.469.456.063

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	2008 Số lượng cổ phiếu	2007 Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	92.334.979	60.810.230
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành vào ngày 12 tháng 6 năm 2007	-	30.405.115
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành vào ngày 12 tháng 8 năm 2007	-	470.473
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành vào ngày 5 tháng 6 năm 2008	1.035.287	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành vào ngày 12 tháng 12 năm 2008	47.001.458	-
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu trong kỳ	(43.367)	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	140.328.357	91.685.818

(iii) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
Theo báo cáo năm 2007	91.685.818	8.403
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng được phát hành vào ngày 12 tháng 12 năm 2008	47.001.458	(3.086)
Số đã điều chỉnh lại	138.687.276	5.317

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất của giao dịch	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Công ty liên kết	Mua tài sản cố định	-	7.273.723.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Công ty liên kết	Bán thiết bị văn phòng	2.228.871.792	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Công ty liên kết	Góp vốn	-	110.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	Công ty liên kết	Góp vốn	-	36.300.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê	-	173.334.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	Công ty liên kết	Bán thiết bị văn phòng	1.014.002.935	292.234.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	Công ty liên kết	Bán thiết bị văn phòng	112.163.930.260	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	Công ty liên kết	Bán tòa nhà	31.973.151.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	Công ty liên kết	Góp vốn	-	150.000.000.000

Bên liên quan		2008	2007
Thành viên của Ban Giám đốc			
Thù lao	VNĐ	4.564.835.000	3.089.035.000
Quyền mua cổ phiếu	Cổ phiếu	121.102	54.289

31. Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Tập đoàn có các cam kết mua Đô la Mỹ như sau:

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn	70.159.000.000	-

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)****32. Nợ tiềm tàng**

Tập đoàn có số dư bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Số dư bảo lãnh	172.384.400.406	-

33. Chỉ tiêu ngoại bảng

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Hàng giữ hộ cho bên thứ ba	89.071.890.804	111.618.341.000

34. Cam kết**(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

		2008 VNĐ	2007 VNĐ
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	(i)	269.445.050.000	884.840.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	(ii)	614.303.683.000	6.129.448.000
		883.758.733.000	890.969.448.000

(i) Các khoản được phê duyệt nhưng chưa ký hợp đồng gồm các cam kết đầu tư cho các dự án sau:

- “Trung tâm nghiên cứu thông tin và thiết lập phần mềm” được đặt ở Khu Công nghệ cao Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; và
- Quỹ vì Cộng đồng FPT.

(ii) Các khoản được phê duyệt và đã ký kết hợp đồng gồm các cam kết của các dự án tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc; Thành phố FPT Đà Nẵng và Công ty TNHH FPT USA.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)****(b) Hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Trong vòng một năm	151.960.947.921	78.405.190.704
Trong vòng hai đến năm năm	274.446.340.953	210.005.182.329
Sau năm năm	74.872.601.062	43.957.447.194
	501.279.889.936	332.367.820.227

35. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**(a) Hợp nhất Công ty TNHH Phân phối FPT, Công ty TNHH Công nghệ Di động FPT và Công ty TNHH Bán lẻ FPT và cổ phần hóa Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT**

Sau ngày kết thúc năm tài chính, vào ngày 16 tháng 3 năm 2009, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã thông qua phương án hợp nhất ba công ty gồm Công ty TNHH Phân phối FPT, Công ty TNHH Công nghệ Di động FPT và Công ty TNHH Bán lẻ FPT, các công ty con hoạt động trong lĩnh vực phân phối và bán lẻ thiết bị CNTT. Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT cũng đã thông qua phương án cổ phần hóa công ty sau hợp nhất này trong năm 2009. Phương án cổ phần hóa sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt.

Cũng vào ngày 16 tháng 3 năm 2009, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã thông qua phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT, một công ty thuộc sở hữu toàn phần của Công ty Cổ phần FPT với hoạt động chính là tích hợp hệ thống trong năm 2009. Phương án cổ phần hóa sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt.

(b) Cổ phần hóa FPT Elead

Sau ngày kết thúc năm tài chính, vào ngày 12 tháng 1 năm 2009, Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần FPT đã phê duyệt cho FPT ELead, một phòng độc lập thuộc Công ty TNHH Phân phối FPT, một công ty thuộc sở hữu toàn phần của Công ty Cổ phần FPT với hoạt động chính là sản xuất và lắp ráp máy tính, thực hiện cổ phần hóa trong quý I năm 2009. Theo đề xuất cổ phần hóa sơ bộ, Công ty TNHH Phân phối FPT sẽ sở hữu hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu mới được cổ phần hóa, tám mươi phần trăm (80%) còn lại sẽ được bán cho cán bộ công nhân viên của Công ty TNHH Phân phối FPT và các bên thứ ba khác. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất, ngày đầu giá cổ phần lần đầu chưa được quyết định.

Công ty Cổ phần FPT và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)****36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	12.478.791.462.211	10.500.457.499.744
Chi phí nhân công	874.176.196.502	599.266.669.801
Chi phí khấu hao	239.579.866.501	170.933.484.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	604.268.893.465	308.548.621.248
Chi phí khác	814.800.753.559	943.177.545.312

37. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh liên quan đến số liệu trong các báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại như sau:

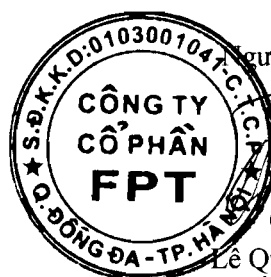
(a) Bảng cân đối kế toán

	Phân loại lại trong báo cáo năm 2008 VNĐ	Theo báo cáo năm 2007 VNĐ
Các khoản phải thu khác	101.009.776.663	122.559.890.500
Tài sản ngắn hạn khác	24.539.657.764	2.989.543.927
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	144.247.883.874	8.223.516.761
Hàng hóa	948.867.580.244	1.084.891.947.357
Ứng trước cho khách hàng	151.204.791.242	160.212.032.853
Các khoản phải trả khác	52.599.721.460	43.592.479.849

(b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Khấu hao và phân bổ	198.856.863.243	170.933.484.994
Biến động chi phí trả trước	(18.543.705.569)	(39.808.692.475)
Tiền chi mua tài sản cố định và các khoản trả trước dài hạn	(536.143.168.067)	(486.954.802.912)

Người lập:

Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Quang Tiến
Phó Tổng Giám đốc**27 MAR 2009**